

ĐẠI GIỚI ĐÀN PHÁP LOA 2017

PHẦN THI DÀNH CHO GIỚI TỬ TỶ-KHEO

NỘI DUNG

SƠ LƯỢC VỀ THIÊN SƯ PHÁP LOA	2
A. THI KHẢO HẠCH	4
I. GIÁO LÝ CĂN BẢN	4
II. KINH	5
III. LUẬT	7
IV. LỊCH SỬ	9
B. TỤNG LUẬT (tụng 4 cuốn Luật Trường hàng)	11
C. THI TỰ LUẬN (khi thi viết sẽ phát đề)	11

SƠ LƯỢC VỀ THIỀN SƯ PHÁP LOA TRONG PHẬT GIÁO ĐỜI TRẦN

Vào TK thứ 13 ở Việt Nam, vua Trần Nhân Tông, một bậc minh quân tài đức vẹn toàn, uyên thâm Phật pháp, đã tu hành đạt đạo, hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Ngài là sáng Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với Tông chỉ “phản quan tự kỷ bốn phần sự bất tùng tha đắc” và một bản sắc riêng của dòng thiền Trúc Lâm nước Việt là: Thiền-Giáo song hành.

Phật giáo đời Trần đã trở thành quốc giáo vì một tinh thần Trúc Lâm phóng khoáng, tự tại viên dung, luôn khế hợp với lòng người và đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử của nước nhà,... Đến thập niên 70 của TK 20, HT Thiền sư Thích Thanh Từ bấy giờ dốc lòng dụng tâm tu tập, sáng lại nguồn tâm, đã dày công gây dựng lại Tông phong Trúc Lâm và nối truyền mạng mạch Yên Tử cho đến ngày nay.

Như vậy, sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một ông vua Phật, đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài đã truyền Tổ vị cho Thiền sư Pháp Loa, và kế thừa Pháp vị là tam Tổ Huyền Quang.

Thiền sư Pháp Loa sinh năm 1284 tại Lưỡng Giang (Hải Dương), thế danh là Đồng Kiên Cương, xuất gia với Hương Vân Đại Đầu Đà, pháp danh là Thiện Lai. Đến khi Ngài tu hành đắc lực, sáng được bản tâm, sơ Tổ Trúc Lâm bèn ban cho đạo hiệu là Pháp Loa - ấy nghĩa là hàng phục ma chướng, vãn tập đại chúng,... và hữu duyên rộng truyền chánh pháp. Đến năm 1330, Tổ sư Pháp Loa đã an nhiên thị tịch. Tuy trụ thế 47 năm, nhưng Tổ đã để lại cho nền Phật giáo nước nhà cả một sự nghiệp vô cùng lớn lao:

- Phụng chiếu khắc bản gỗ ấn bản Đại Tạng kinh đầu tiên ở Việt Nam vào thời Trần (1319), tái bản năm 1329. Khắc bản gỗ ấn bản “Tứ phần luật” năm 1322. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Lần đầu tiên ở Việt Nam, văn phòng Trung Ương Giáo hội Phật giáo (chùa Vĩnh Nghiêm ở Lưỡng Giang) đã lưu trữ hồ sơ quản lý tự viện, định chức và cấp sổ bộ cho Tăng ni. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Cùng các công trình văn hóa, kiến trúc, v.v... Ngài đã để lại nhiều tác phẩm Thiền học có tầm vóc như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, v.v... và những hành trạng Tổ sư còn được lưu truyền.

Tất cả những thành quả trên đã đưa Phật giáo thời Trần đến một đỉnh cao mới.

Trên con đường Bồ-tát đạo, Tổ sư Pháp Loa đã phát nguyện: "...chư Phật và Bồ-tát có những công hạnh nào, con nguyện thiết tha cầu học và làm theo. Dù chúng sanh có khen chê, khinh trọng, dù bố thí hay xâm đoạt, khi mắt thấy tai nghe cũng đều xin cứu độ, khiến cho tất cả đều tiến lên nấc thang giác ngộ, v.v..." (*Tam Tổ Thực Lục*)

Phương pháp nhiếp tâm (Tịnh giới) của Tổ sư Pháp Loa là: ... trong hai mươi bốn giờ, ngoài dứt các duyên, trong tâm không dấy động. Tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì cảnh khởi phân biệt, thức không vì pháp trần mà dính mắc. Ra vào không giao thiệp gọi là ngăn dừng. Tuy gọi ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng. Nên biết tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là giới Đại thừa, gọi là giới Vô thượng, cũng gọi là giới Vô đẳng đẳng. Tịnh giới này dù Tiểu tăng cho đến Đại tăng đều nên phải gìn giữ. (Tam Tổ Thực Lục - HT. Thiền sư Thích Thanh Từ dịch)

Trước lúc viên tịch, Tổ viết kệ:

*Muôn duyên cắt đứt một thân nhàn,
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tràng,
Nhấn bảo mọi người thôi chớ hỏi,
Bên kia trăng gió rộng thênh thang.*

(*Thanh Từ Toàn Tập, tập 27*)

 Lưu ý:

- Giám khảo sẽ hỏi thêm về Thiền sư Pháp Loa trong bài “SƠ LƯỢC” trên.
- Trong ba môn (Thi Khảo Hạch, Thi Tụng Luật, Thi Tự Luận), điểm của mỗi môn cao nhất là 20, tổng điểm của ba môn từ 30 trở lên thì đạt yêu cầu.

A. THI KHẢO HẠCH

Giới tử thi khảo hạch 4 môn: 1. Giáo lý căn bản; 2. Kinh; 3. Luật; 4. Lịch sử. Mỗi môn có 5 câu hỏi, giám khảo chỉ hỏi 1 câu, mỗi câu cao nhất được 5 điểm.

Phản đáp án chỉ mang tính gợi ý, giới tử cần tham khảo thêm để câu trả lời được phong phú và đầy đủ hơn.

I. GIÁO LÝ CĂN BẢN

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Tôn chỉ và mục đích cứu cánh của đạo Phật là gì?

Trả lời

- *Tôn chỉ của đạo Phật là Từ bi, Trí tuệ và Dũng cảm.*
- *Mục đích của đạo Phật là giác ngộ, giải thoát và rộng độ chúng sanh.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Tứ Diệu Đế là gì? Đạo Đế có bao nhiêu phẩm trợ đạo? Hãy kể tên.

Trả lời

- *Tứ Diệu Đế là 4 chân lý chắc thật của thế gian và xuất thế gian, bốn sự thật đó là: 1. Khổ Đế; 2. Tập Đế; 3. Diệt Đế; 4. Đạo Đế.*
- *Trong Đạo Đế có 37 phẩm trợ đạo đó là: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ-đề Phần, Bát Chánh Đạo Phần.*

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Trong Thập Nhị Nhân Duyên có bao nhiêu chi phần? Hãy kể tên. Tu pháp gì để thoát được vòng xích của 12 nhân duyên đó?

Trả lời

- *Trong pháp Thập Nhị Nhân Duyên có 12 chi phần: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.*
- *Muốn thoát được vòng xích của 12 nhân duyên, ta phải tu pháp quán hoàn diệt 12 nhân duyên, qua 2 cách quán sau đây: quán căn bản vô minh (diệt vô minh gốc rễ) và quán chi diệt vô minh (diệt vô minh ngành ngọn).*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Bồ-tát đạo là gì? Bồ-tát đạo có mấy độ? Có mấy bậc Bồ-tát? Hãy kể tên.

Trả lời

- *Bồ-tát đạo là con đường tu hành lục độ vạn hạnh, tự lợi, lợi tha, cứu độ chúng sanh giải thoát sanh tử, nguyện thành Phật.*
- *Bồ-tát đạo có 6 độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.*
- *Bồ-tát có 52 bậc: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác.*

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Hãy kể tên Thập thiện và Thập sử. Khi Thập thiện và Thập sử tích tụ lại sẽ đưa chúng sinh đi về đâu?

Trả lời

- *Thập thiện là: 1. Vô tà; 2. Vô quý; 3. Tật đố; 4. San; 5. Hối; 6. Thùy miên; 7. Trạo cử; 8. Hôn trầm; 9. Phẫn; 10. Phú.*
- *Thập sử là: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Mạn; 5. Nghi; 6. Thân kiến; 7. Biên kiến; 8. Tà kiến; 9. Kiến thủ; 10. Giới cấm thủ.*
- *Thập-thiện và Thập-sử tích tụ, khiến cho chúng sanh mê muội, làm chấp thân tâm này là thật nên mãi ràng buộc trong sanh tử luân hồi.*

II. KINH**1. Câu hỏi 1 (5 điểm)**

- Tứ y pháp là gì? Hãy kể tên.

Trả lời

- *Tứ y là 4 phương pháp thực tập sự nương tựa (y cứ) dẫn đến giác ngộ giải thoát, đó là:*
1. Y pháp bất y nhân, 2. Y nghĩa bất y ngữ,
3. Y trí bất y thức, 4. Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh.

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Liễu nghĩa kinh và bất liễu nghĩa kinh khác biệt thế nào?

Trả lời

- *Liễu nghĩa kinh là kinh chỉ thẳng chân tâm, Phật tánh, do đức Phật diễn nói để minh tâm kiến tánh cho hàng đại căn, đại trí, như: kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, v.v...*
- *Bất liễu nghĩa kinh là kinh chỉ các pháp môn phương tiện ban đầu, do đức Phật diễn nói để dẫn dắt hàng sơ cơ tu trì, khi thuần thục mới nhận ra được chân tâm, Phật tánh của chính mình, như: kinh A-Hàm, v.v*

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Hãy kể tên 10 điều giới trong pháp Thập Thiện. Tu pháp Thập Thiện được sanh về đâu?

Trả lời

- *Mười điều giới trong pháp Thập Thiện là:*
 - *Thân có 3 nghiệp lành: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.*
 - *Khẩu có 4 nghiệp lành: không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác.*
 - *Ý có 3 nghiệp lành: không tham lam, không sân hận, không si mê.*
- *Tu pháp Thập Thiện được sanh về cõi trời.*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Vì sao đã thành bậc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác mà đức Phật vẫn thường hay tọa thiền?

Trả lời

- *Đức Phật vẫn thường hay tọa thiền vì 3 nguyên nhân chính sau đây:*
 - *Thứ nhất là: đức Phật thường tọa thiền để tự điều thân.*
 - *Thứ hai là: đức Phật muốn nhắc hàng đệ tử về sau thường tinh tấn tọa thiền.*
 - *Thứ ba là: vì 3 đời chư Phật đều do pháp môn Thiền định mà được thành đạo.*

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Kinh điển của đạo Phật được kết tập mấy lần? Hãy kể ra.

Trả lời

- *Kinh điển của đạo Phật được kết tập 4 lần:*
 - *Lần thứ nhất: do ngài Ca-diếp cùng 500 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn 3 tháng).*
 - *Lần thứ hai: do ngài Đa-xá cùng 700 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 100 năm).*
 - *Lần thứ ba: do vua A-dục khởi xướng, ngài Mục-kiền-liên-đế-tu cùng 999 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 300 năm).*
 - *Lần thứ tư: do vua Ca-nị-sắc-ca khởi xướng, ngài Hiếp Tôn giả và Thế Hữu cùng 500 vị Bồ-tát, 500 vị Tỳ-kheo, 500 vị cư sĩ kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 600 năm).*

III. LUẬT**1. Câu hỏi 1 (5 điểm)**

- Sa-di là gì? Sa-di có mấy nghĩa và có bao nhiêu hạng? Hãy giải thích.

Trả lời

- *Sa-di là dịch âm từ chữ Phạn (Sràmanera) chỉ cho hàng xuất gia thọ 10 giới.*
- *Sa-di có ba nghĩa: 1. Tức từ: dứt bỏ việc ác, thực hành từ bi. 2. Cần sách: siêng năng tu học. 3. Cầu tịch: ưa sự vắng lặng.*
- *Sa-di có 3 hạng: 1. Khu ô Sa-di: tuổi từ 7 đến 13; 2. Ứng pháp Sa-di: tuổi từ 14 đến 19; 3. Danh tự Sa-di: tuổi từ 20 đến 70.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Hãy kể tên 10 giới của Sa-di. Hãy chỉ các giới thuộc về tánh, các giới thuộc về tướng.

Trả lời

- Mười giới của Sa-di là: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cướp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không mang vòng hoa hay xông ướp hương thơm, 7. Không nằm giường cao, rộng lớn, 8. Không ca múa, hát xướng và tự đi xem nghe, 9. Không ăn phi thời, 10. Không nắm giữ vàng bạc, châu báu.
- Bốn giới đầu thuộc về tánh giới (còn gọi là giá).
- Sáu giới sau thuộc về tướng giới (còn gọi là khai: tùy trường hợp mà phương tiện khai mở).

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Hãy kể tên 24 oai-nghi?

Trả lời

- Hai mươi bốn oai-nghi có tên là: 1. Kính Đại Sa-môn, 2. Thờ thầy, 3. Hài thầy ra đi, 4. Nhập chúng, 5. Cùng chúng thọ trai, 6. Lễ lạy, 7. Nghe pháp, 8. Tập học kinh điển, 9. Vào chánh điện, 10. Cùng chúng vào thiền đường, 11. Lao tác, 12. Vào nhà tắm, 13. Vào nhà xí, 14. Ngủ nghỉ, 15. Vây quanh bếp lò, 16. Ở chung phòng, 17. Đến chùa Ni, 18. Đến nhà Đàn-việt, 19. Đi khát thực, 20. Vào xóm làng, 21. Mua đồ, 22. Không được tự ý làm, 23. Đi xa cầu học, 24. Y-Bát-Cụ.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Hãy kể tên 10 pháp số căn bản của luận học Phật giáo.

Trả lời

- Mười pháp số là căn bản của luận học Phật giáo là: 1. Hết thầy chúng sanh đều nhờ ăn uống, 2. Danh và sắc, 3. Biết ba thọ, 4. Bốn đế, 5. Năm ấm, 6. Sáu nhập, 7. Bảy giác chi, 8. Tám chánh đạo, 9. Chín nơi chúng sanh ở, 10. Mười nhất thiết nhập (tất cả các pháp đều quy về trong pháp giới tánh).

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Thế nào là khai, giá, trì, phạm; danh, chúng, tánh, tướng?

Trả lời

- Khai: là mở ra, là cho làm.
- Giá: là ngăn cấm, là không cho làm.
- Trì: là giữ gìn, như thọ giới thì phải trì giới luật cho thanh tịnh.
- Phạm: là vi phạm, như thọ giới mà không trì giới cho thanh tịnh tức là phạm.
- Danh: là tên chỉ cho mỗi giới, như không nên sát sanh, không nên trộm cắp...
- Chúng: là chủng loại hay nhóm giới, như “giới trọng,” “giới khinh.”
- Tánh: là tâm tánh, là tánh chất bên trong; như giữ gìn giới luật để tâm tánh được thanh tịnh.
- Tướng: là hình tướng bên ngoài; như giữ gìn giới luật để không vi phạm những điều ác.

IV. LỊCH SỬ**1. Câu hỏi 1 (5 điểm)**

- Đức Phật đản sanh ở đâu, vào ngày, tháng, năm nào? Lúc mới đản sanh, Ngài có tên là gì, là con của ai, thuộc giai cấp nào?

Trả lời

- Đức Phật đản sanh ở thành Ca-tỳ-la-vệ, phía Bắc Trung Á, Ngài sanh vào ngày 15/4 âm lịch, năm 625 trước Công Nguyên. Đại hội Phật giáo năm 1960 thống nhất là ngày 15/4 âm lịch
- Lúc mới đản sanh, Ngài có tên là Tất-đạt-đa, là con của vua Tịnh-phạn và hoàng hậu Ma-da, thuộc giai cấp Sát-đế-lợi.

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia vào ngày nào? Lúc Ngài bao nhiêu tuổi? Vì sao Thái tử Tất-đạt-đa đang sống trong cung vàng điện ngọc mà muốn vượt thành đi xuất gia?

Trả lời

- Theo sử liệu Bắc truyền, Thái tử xuất gia ngày 08/02 âm lịch, khi Ngài 19 tuổi. Theo sử liệu Nam truyền là ngày 15/4 âm lịch, khi Ngài 29 tuổi.
- Thái tử ấn tượng cảnh tượng tàn tương sát trong cuộc sống của chúng sanh vào ngày lễ Hạ Điền và 3 cảnh: già, bệnh, chết khi đạo 3 công thành, sau đó Ngài lại đạo qua cửa Bắc, gặp vị Sa-môn tướng mạo trang nghiêm, điềm tĩnh...Ngài sanh lòng cảm mến, qui hướng...Vì muốn giải thoát sanh tử và cứu độ chúng sanh nên Ngài quyết lòng xuất gia tầm đạo.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Thái tử Tất-đạt-đa đã tu pháp môn nào mà thành Phật? Thái tử thành Phật vào lúc nào, khi Ngài bao nhiêu tuổi?

Trả lời

- Thái tử Tất-đạt-đa đã tu pháp môn Thiền định mà thành Phật.
- Theo sử liệu Bắc truyền, sau khi Ngài chiến thắng tất cả nội ma, ngoại chướng, rạng sáng ngày 08/12 âm lịch, Ngài chứng quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Khi đó, Ngài 30 tuổi. Theo sử liệu Nam truyền là ngày 15/4 âm lịch. Khi đó, Ngài 35 tuổi.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Đại Tạng kinh Phật được chia làm mấy phần? Tổng cộng có bao nhiêu bộ và bao nhiêu quyển? Kinh Phật được kết tập thành bao nhiêu thể loại? Gồm có những thể loại gì? Trải qua bao nhiêu pháp hội?

Trả lời

- Theo Phật Quang Đại Từ Điển, Đại Tạng kinh Phật gồm Toàn Tạng, phân làm 2 phần (Chánh Tạng và Tục Tạng). Tổng cộng có 2.920 bộ, gồm 11.970 quyển.
- Kinh Phật được kết tập thành 12 thể loại, bao gồm: Trường hàng, Trùng tụng, Cô khởi, Thí dụ, Nhân duyên, Tự thuyết, Bản sanh, Bản sự, Vị tăng hữu, Luận nghị, Phương quảng, Kí biệt. Trải qua trên 300 Pháp hội.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Đức Phật nhập Niết-bàn khi nào? Ở đâu? Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập vào năm nào? Gồm bao nhiêu Tông phái và Hệ phái? Hãy kể tên.

Trả lời

- Theo sử liệu Bắc truyền, đức Phật nhập Niết-bàn vào ngày 15/02 âm lịch, theo sử liệu Nam truyền là vào ngày 15/4 âm lịch. Tại rừng Sa-la (Song thọ), thuộc thành Câu-thi-na.
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập ngày 07/11/1981, gồm 3 Tông phái chính: Nam tông, Bắc tông và Khất sĩ, trong đó có 9 Hệ phái.

B. TỤNG LUẬT (tụng 4 cuốn Luật Trường hàng)

C. THI TỰ LUẬN (khi thi viết sẽ phát đề)